

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/KDTM-ST
Ngày: 07-12-2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thành Nhơn;

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Như Quang và ông Rơ Châm Dương.

- Thư ký phiên tòa: ông Đinh Thành Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: ông Lê Đình Hợp – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2018/TLST-KDTM ngày 17 tháng 5 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXXST-KDTM ngày 26 tháng 10 năm 2018, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ; địa chỉ trụ sở chính: số B, đường V, quận K, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Trần Thị Hồng Ph; chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch khu vực B thuộc Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ Chi nhánh G (văn bản ủy quyền số 1764/QĐ-BIDV.GL ngày 30-11-2018 của Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ Chi nhánh G); địa chỉ: số M, đường L, thành phố P, tỉnh Gia Lai; có mặt.

2. *Bị đơn:* bà Lê Thị Đ; địa chỉ: tổ dân phố H, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai; vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện đề ngày 26-4-2018 và quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ là bà Trần Thị Hồng Ph trình bày:

Tại Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 01.1/2016/3847786/HĐTD ngày 11-11-2016, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ thông qua Chi nhánh G, Phòng giao dịch khu vực B (gọi tắt là Ngân hàng) đã cho hộ kinh doanh bà Lê Thị Đ vay số

tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), mục đích vay kinh doanh hàng nông sản cà phê theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh số 39F8000927 do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 09-02-2015. Thời hạn vay 11 tháng tính từ ngày 11-11-2016 đến ngày 11-10-2017. Lãi suất cho vay trong hạn là 7%/năm được cố định hết ngày 25-3-2017; từ ngày 26-3-2017 trở đi lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất tiết kiệm trả lãi sau kỳ hạn 06 tháng do Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ Chi nhánh G công bố tại thời điểm điều chỉnh cộng thêm phí Ngân hàng là 5%/năm và được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng khi có thay đổi nhưng không thấp hơn lãi suất tại thời điểm cho vay; lãi suất quá hạn bằng 120% lãi suất trong hạn; theo đó từ ngày 26-3-2017 đến nay, lãi suất trong hạn là 10,3%, lãi suất quá hạn là 12,36%.

Để đảm bảo cho khoản vay, tại Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/3847786/HĐBĐ ngày 10-11-2016, bà Đ đã thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 621785 do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 31-12-2014 và số BU 621784 do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 31-12-2014.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Đ chỉ thanh toán cho Ngân hàng 10.000.000 đồng tiền gốc và 39.447.222 đồng tiền lãi trong hạn. Do đó Ngân hàng yêu cầu:

Bà Đ phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ nợ gốc, lãi tính đến ngày 07-12-2018 là 563.579.767 đồng gồm: nợ gốc 490.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 61.647.111 đồng và nợ lãi quá hạn 11.905.656 đồng.

Trường hợp bà Đ không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

2. Quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị Đ đều vắng mặt không có lý do, không tham gia tố tụng và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

3. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Ia Grai đã xác định quan hệ tranh chấp, thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; quyền, lợi ích của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung vụ án: xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc bà Lê Thị Đ phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc 490.000.000 đồng và tiền lãi theo yêu cầu của Ngân hàng; trường hợp bà Đ không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ; bà Đ phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Bà Lê Thị Đ vay vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ với mục đích kinh doanh hàng nông sản cà phê theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh số 39F8000927 do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 09-02-2015. Các bên tham gia giao dịch đều có đăng ký kinh doanh và có mục đích lợi nhuận nên đây là tranh chấp kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại tổ dân phố H, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Nơi cư trú của bà Đ đúng với địa chỉ ghi trong hợp đồng và trong đơn khởi kiện. Tuy nhiên, khi Tòa án thụ lý vụ án thì bà Đ đã vắng mặt ở nơi cư trú được khoảng hai năm, chính quyền địa phương không biết nơi cư trú mới của bà Đ và không biết thời điểm bà Đ quay về. Bà Đ thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo với Ngân hàng và cơ quan có thẩm quyền nên thuộc trường hợp cố tình che giấu địa chỉ, do đó Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai vẫn tiến hành giải quyết vụ án là đúng quy định.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết công khai các văn bản tố tụng cần tổng đạt cho bà Đ theo Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà Đ vắng mặt không có lý do lần thứ hai tại phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt bà Đ theo Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo kết quả xác minh tại Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện G, tỉnh Gia Lai thì hộ kinh doanh bà Lê Thị Đ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh số 39F8000927 do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 09-02-2015 chỉ có một thành viên góp vốn là bà Đ. Khi giao kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp bất động sản với Ngân hàng, bà Đ chưa đăng ký kết hôn với ai tại địa phương, các tài sản mà bà Đ thế chấp không thuộc sở hữu chung với người khác. Nội dung thỏa thuận giữa Ngân hàng và bà Đ trong hợp đồng tín dụng không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có hiệu lực.

[4] Tại Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 01.1/2016/3847786/HĐTD ngày 11-11-2016, các bên đã thỏa thuận cụ thể về thời hạn cho vay, lãi suất cho vay và cách thức tính lãi. Theo đó mức lãi suất trong hạn là 7%/năm được cố định hết ngày 25-3-2017, từ ngày 26-3-2017 trở đi lãi suất trong hạn là 10,3%/năm, lãi suất quá hạn bằng 120% lãi suất trong hạn, tức bằng 12,36%/năm. Khi điều chỉnh lãi suất, Ngân hàng đã thông báo với bà Đ, mức lãi suất điều chỉnh phù hợp với Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên được chấp nhận.

[5] Tính đến ngày 07-12-2018, bà Đ chỉ thanh toán cho Ngân hàng 10.000.000 đồng tiền gốc và 39.447.222 đồng tiền lãi trong hạn. Bà Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận tại điểm a

khoản 1 Điều 10 Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 01.1/2016/3847786/HĐTD ngày 11-11-2016, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Đ phải thanh toán tổng số tiền 563.579.767 đồng gồm nợ gốc 490.000.000 đồng, nợ lãi 73.579.767 đồng (tính đến ngày 07-12-2018) là có căn cứ, được chấp nhận.

[6] Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/3847786/HĐBĐ ngày 10-11-2016 giữa Ngân hàng và bà Đ phù hợp với Điều 343, Điều 715 Bộ luật Dân sự năm 2005; tài sản thế chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Đ và đã được Nhà nước công nhận quyền sử dụng; thủ tục thế chấp được thực hiện đúng pháp luật về đăng ký giao dịch đảm bảo nên có hiệu lực. Vì vậy Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp bà Đ không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng theo Điều 355, Điều 721 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

[7] Ngân hàng phải chịu chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 3.900.000 đồng (ba triệu chín trăm nghìn đồng) theo Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Bà Đ phải chịu toàn bộ tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 20.000.000 đồng + (163.579.767 đồng x 4%) = 26.543.191 đồng theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Ngân hàng không phải chịu án phí, hoàn trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[9] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 40, Điều 147, Điều 180, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14;

Áp dụng các Điều 343, 355, 471, 474, 476, 715, 721 Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 91, 95, 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Án lệ số 08/2016/AL ngày 17-10-2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao,

Tuyên xử:

1. Bà Lê Thị Đ phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền 563.579.767 đồng (năm trăm sáu mươi ba triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng) gồm: nợ gốc 490.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 07-12-2018 là 73.579.767 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng phải thanh toán cho Ngân hàng cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

2. Trường hợp bà Lê Thị Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý các tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/3847786/HĐBĐ ngày 10-11-2016 để thu hồi nợ.

3. Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ phải chịu chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 3.900.000 đồng (ba triệu chín trăm nghìn đồng). Số tiền này Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ đã nộp đủ.

4. Bà Lê Thị Đ phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 26.543.191 đồng (hai mươi sáu triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn một trăm chín mươi một đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (thông qua Phòng giao dịch khu vực B thuộc Chi nhánh Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ Gia Lai) số tiền tạm ứng án phí là 12.369.782 đồng (mười hai triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn bảy trăm tám mươi hai đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0004763 ngày 17-5-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (02b);
- TAND tỉnh Gia Lai (01b);
- VKSND tỉnh Gia Lai (01b);
- VKSND huyện Ia Grai (01b);
- CCTHADS huyện Ia Grai (01b);
- Lưu: HSVA, VT-LT (02b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Thành Nhơn